

BÁO CÁO
Công khai quyết toán thu - chi ngân sách và
các hoạt động tài chính khác xã năm 2023

Thực hiện Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật ngân sách Nhà nước, Thông tư số 343/2016/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ tài chính hướng dẫn việc thực hiện công khai ngân sách Nhà nước đối với các cấp ngân sách.

Báo cáo Quyết toán thu – chi ngân sách năm 2023, UBND xã đã trình HĐND xã và đã thông qua tại kỳ họp thứ 14, khoá XII ngày 28/6/2024. HĐND xã có Nghị quyết số 11/NQ-HĐND ngày 28/06/2023 của HĐND xã Quế An về Phê duyệt quyết toán thu - chi ngân sách Nhà nước năm 2023.

Nay UBND xã Quế An báo cáo công khai quyết toán thu - chi ngân sách và công tác quản lý ngân sách xã năm 2023 cụ thể như sau:

Phần I. QUYẾT TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2023

Thực hiện Quyết định 1459/QĐ-UBND, ngày 16/12/2022 của UBND huyện về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển Kinh tế - Xã hội và dự toán thu, chi ngân sách Nhà nước năm 2023 trên địa bàn huyện Quế Sơn.

Năm 2023 là năm thứ hai của thời kỳ ổn định ngân sách giai đoạn năm 2022-2025. UBND xã đã lập kế hoạch phân bổ dự toán thu - chi ngân sách cho các ban, ngành, đoàn thể và Ban nhân dân các thôn, dự toán được trình HĐND xã và đã thông qua tại kỳ họp thứ 6 khóa XII ngày 28/12/2022. HĐND xã có Nghị quyết số 09/NQ-HĐND ngày 28 tháng 12 năm 2022 của HĐND xã Quế An về việc phê duyệt dự toán thu - chi ngân sách xã năm 2023.

Trên cơ sở Nghị quyết của HĐND và xác định khả năng nguồn thu cũng như nhiệm vụ chi thực tế trên địa bàn, UBND xã đã ban hành Quyết định số 09/QĐ-UBND ngày 10/01/2023 của UBND xã Quế An về việc phân bổ dự toán thu - chi ngân sách Nhà nước năm 2023 cho các ban, ngành, đoàn thể và Ban nhân dân các thôn.

Trong năm 2023, tình hình kinh tế trong nước có nhiều biến động, do kinh tế vẫn chưa phục hồi hoàn toàn hậu Covid-19, nhu cầu thị trường giảm sút khiến các hoạt động buôn bán, sản xuất kinh doanh và đời sống của người dân gặp nhiều khó khăn làm ảnh hưởng không nhỏ đến việc quản lý điều hành ngân sách trên địa bàn. Song với sự quyết tâm cao của các ban, ngành, sự phối hợp của các tổ chức chính trị

- xã hội nên tình hình thu - chi NSNN năm 2023 đạt được những kết quả khả quan, số liệu cụ thể như sau:

I. THU NGÂN SÁCH

1. Tổng hợp số liệu:

ĐVT: Đồng

Nội dung	Dự toán	Quyết toán	So sánh (%)
	1	2	3 = 2/1
TỔNG SỐ THU	8.708.000.000	26.027.554.272	298,89
I. Các khoản thu 100%	100.100.000	244.721.990	244,48
1. Phí, lệ phí (Kể cả lệ phí môn bài thu từ hộ kinh doanh)	6.600.000	13.640.000	206,67
1.1. Lệ phí môn bài thu từ hộ kinh doanh	6.600.000	8.600.000	130,3
1.2. Phí, lệ phí		5.040.000	
2. Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác	71.500.000	154.108.200	215,54
2.1. Thu từ quỹ đất công ích	71.500.000	154.108.200	215,54
2.2. Thu từ hoa lợi công sản trên đất công			
2.3. Thu tiền đền bù khi nhà nước thu hồi đất			
3. Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp			
4. Thu phạt, tịch thu khác theo quy định			
5. Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước theo quy định			
6. Đóng góp của nhân dân theo quy định			
7. Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân			
8. Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	11.000.000	27.283.973	248,04
9. Thu khác	11.000.000	49.689.817	451,73
II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)	22.900.000	34.928.844	152,53
1. Các khoản thu phân chia			
1.1. Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình			
1.2. Lệ phí trước bạ nhà, đất			
2. Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định	22.900.000	34.928.844	152,53
2.1. Thu tiền sử dụng đất			
2.2. Thu tiền thuê mặt đất, mặt nước			
2.3. Thuế tài nguyên			
2.4. Thuế giá trị gia tăng	22.900.000	31.437.776	137,28
2.5. Thuế thu nhập doanh nghiệp		3.491.068	
2.6. Thuế thu nhập cá nhân			

2.7. Thuế tiêu thụ đặc biệt			
III. Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)			
IV. Thu chuyển nguồn		4.697.875.138	
V. Thu kết dư ngân sách năm trước			
VI. Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	8.585.000.000	21.050.028.300	245,2
1. Thu bổ sung cân đối từ ngân sách cấp trên	6.469.000.000	6.469.000.000	100
2. Thu bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp trên	2.116.000.000	14.581.028.300	689,08

2. Đánh giá chung về công tác thu ngân sách năm 2023:

Tình hình thu ngân sách trên địa bàn xã năm 2023 có nhiều chuyển biến tích cực, đặc biệt tất cả các khoản thu ngân sách 100% năm nay đều đạt vượt so với kế hoạch huyện giao. Để đạt được kết quả đó là nhờ sự quan tâm giúp đỡ của huyện, sự tập trung lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng ủy, Hội đồng nhân dân xã, sự quản lý điều hành của UBND xã, cùng với sự phối hợp của Các tổ chức chính trị - xã hội trong công tác thu ngân sách, xem công tác quản lý, điều hành ngân sách là nhiệm vụ trọng tâm để thúc đẩy các nhiệm vụ kinh tế - xã hội của địa phương phát triển.

Thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm đạt 152,53% so với kế hoạch huyện giao.

Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên đạt 245,2% huyện giao đầu năm, do trong năm cấp trên bổ sung có mục tiêu nguồn Trung ương, tỉnh, huyện để phục vụ xây dựng công trình đầu tư công, Xây dựng Nông thôn mới và các công tác chi thường xuyên, đảm bảo xã hội...

II. CHI NGÂN SÁCH

1. Tổng hợp số liệu:

ĐVT: Đồng

Nội dung	Dự toán			Quyết toán			So sánh (%)		
	Tổng số	ĐTPT	TX	Tổng số	ĐTPT	TX	Tổng số	ĐTPT	TX
1	2	3	4	5	6	7	8 = 5/2	9 = 6/3	10 = 7/4
Tổng số chi	8.708.000.000		8.708.000.000	26.027.554.272	12.234.291.577	13.793.262.695	298,89		158,40
1. Chi công tác dân quân tự vệ, trật tự an toàn xã hội	278.000.000		278.000.000	3.505.402.743	3.200.000.000	305.402.743	1.260,94		109,86
1.1. Chi dân quân tự vệ	145.000.000		145.000.000	172.402.743		172.402.743	118,90		118,90
1.2. Chi trật tự an toàn xã hội	133.000.000		133.000.000	3.333.000.000	3.200.000.000	133.000.000	2.506,02		100,00
2. Chi giáo dục	40.000.000		40.000.000	1.958.508.000	1.918.716.000	39.792.000	4.896,27		99,48
3. Chi ứng dụng, chuyển giao công nghệ									
4. Chi y tế	58.000.000		58.000.000	41.201.333		41.201.333	71,04		71,0

	0	0						4
5. Chi văn hóa, thông tin	318.000.000	318.000.000	410.359.242		410.359.242	129,04		129,04
6. Chi phát thanh, truyền thanh	68.000.000	68.000.000	68.000.000		68.000.000	100,00		100,00
7. Chi thể dục, thể thao	72.000.000	72.000.000	1.438.271.000	1.366.271.000	72.000.000	1.997,60		100,00
8. Chi bảo vệ môi trường	128.000.000	128.000.000	291.863.000		291.863.000	228,02		228,02
9. Chi các hoạt động kinh tế	416.000.000	416.000.000	6.438.779.710	4.823.789.000	1.614.990.710	1.547,78		388,22
9.1. Giao thông	80.000.000	80.000.000	3.843.941.710	3.690.908.000	153.033.710	4.804,93		191,29
9.2. Nông - lâm - hải sản	73.948.000	73.948.000	226.889.000		226.889.000	306,82		306,82
9.3. Thủy lợi	70.052.000	70.052.000	1.285.722.000	1.132.881.000	152.841.000	1.835,38		218,18
9.4. Thị chính	192.000.000	192.000.000	1.082.227.000		1.082.227.000	563,66		563,66
9.5. Thương mại, du lịch								
9.6. Các hoạt động kinh tế khác								
10. Chi quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể	5.394.000.000	5.394.000.000	5.970.794.845		5.970.794.845	110,69		110,69
<i>Trong đó: Quỹ lương</i>			<i>3.177.338.779</i>		<i>3.177.338.779</i>			
10.1. Hội đồng nhân dân	310.137.000	310.137.000	315.430.400		315.430.400	101,71		101,71
10.2. Quản lý Nhà nước	4.532.767.000	4.532.767.000	5.159.164.745		5.159.164.745	113,82		113,82
10.3. Đảng Cộng sản Việt Nam	238.096.000	238.096.000	186.998.600		186.998.600	78,54		78,54
10.4. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam	114.000.000	114.000.000	113.370.000		113.370.000	99,45		99,45
10.5. Đoàn Thanh niên CS HCM	43.000.000	43.000.000	43.000.000		43.000.000	100,00		100,00
10.6. Hội Liên hiệp Phụ nữ	41.000.000	41.000.000	41.000.000		41.000.000	100,00		100,00
10.7. Hội Nông dân	76.000.000	76.000.000	73.745.100		73.745.100	97,03		97,03
10.8. Hội Cựu chiến binh	39.000.000	39.000.000	38.086.000		38.086.000	97,66		97,66
10.9. Tổ chức xã hội khác								
11. Chi cho công tác xã hội	1.686.000.000	1.686.000.000	2.199.142.600		2.199.142.600	130,44		130,44
11.1. Trợ cấp hàng tháng cho cán bộ xã nghi việc theo chế độ quy định và trợ cấp khác	1.045.000.000	1.045.000.000	1.023.651.200		1.023.651.200	97,96		97,96
11.2. Chính sách và hoạt động phục vụ người có công với cách mạng	477.000.000	477.000.000	578.500.000		578.500.000	121,28		121,28
11.3. Trẻ mồ côi, người già không nơi nương tựa								

11.4. Trợ cấp xã hội	164.000.000	164.000.000	596.991.400		596.991.400	364,02		364,02
11.5. Khác								
12. Chi khác	29.000.000	29.000.000	27.963.500		27.963.500	96,43		96,43
13. Dự phòng	132.000.000	132.000.000						
14. Chi chuyển nguồn sang ngân sách năm sau			3.268.605.831	925.515.577	2.343.090.254			
15. Nộp trả ngân sách cấp trên			408.662.468		408.662.468			
16. Chi tăng thu theo nghị quyết HĐND	11.000.000	11.000.000	11.000.000		11.000.000			
17. Tiết kiệm chi thường xuyên để chi đầu tư	78.000.000	78.000.000	78.000.000		78.000.000			

2. Đánh giá chung về kết quả chi ngân sách năm 2023:

Tổng chi ngân sách xã đã thực hiện năm 2023 đạt 298,89% so với dự toán huyện giao. Trong đó phần chi vượt so với dự toán năm 2023 bao gồm phần bổ sung mục tiêu ngoài kế hoạch đầu năm của tỉnh, huyện cho ngân sách xã để thực hiện chi đầu tư phát triển, chi xây dựng NTM và một số nhiệm vụ chi bổ sung khác. gồm:

2.1. Chi đầu tư phát triển:

Tổng nguồn vốn đầu tư xây dựng được sử dụng trong năm 2023 là 12.367.966.000 đồng, gồm nguồn vốn đầu tư năm 2022 được chuyển nguồn sang năm 2023 sử dụng: 3.193.471.000 đồng và cấp trên bổ sung trong năm: 9.174.495.000 đồng.

UBND xã đã giải ngân công trình đầu tư xây dựng với tổng kinh phí: 11.308.776.000 đồng, đạt 92% so với kế hoạch huyện giao, trong đó: Công trình thuộc chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng Nông thôn mới xã Quế An có 05 công trình 2022 chuyển sang và 10 công trình năm 2023 với tổng kinh phí đã giải ngân là: 6.851.676.000/ 7.679.142.000 đồng, đạt 89% (NS TW là 3.104.099.000đ/3.104.099.000đ, đạt 100%, NS tỉnh: 2.696.063.000đ/2.796.161.000đ, đạt 96%. NS huyện là: 1.051.514.000 đ/1.608.214.000 đ, đạt 65,4%)

Đầu tư xây dựng cơ bản Trụ sở công an xã Quế An nguồn ngân sách tỉnh, huyện: 3.200.000.000 đ/3.450.000.000, đạt 93% kế hoạch huyện giao.

13 công trình kiên cố hóa hệ thống đường GTNT năm 2022: Nguồn ngân sách tỉnh: 577.100.000đ/577.100.000đ, Ngân sách huyện là: 390.000.000 đ/390.000.000 đ. đạt 100% kế hoạch huyện giao.

UBND xã thực hiện chặt chẽ theo quy định của Nhà nước về quản lý đầu tư xây dựng cơ bản, không chiếm dụng vốn của công trình này chi cho công trình khác.

2.2. Chi thường xuyên:

Tổng nguồn kinh phí sự nghiệp được sử dụng trong năm 2023 là 12.702.460.538 đ, gồm, dự toán phân bổ đầu năm: 8.708.000.000đ, dự toán bổ sung mục tiêu trong năm

3.167.533.300 đ, dự toán năm 2022 được chuyển nguồn sang năm 2023 sử dụng: 1.504.404.138 đồng.

Nhìn chung tổng dự toán vượt so với dự toán đầu năm do từ nguồn kinh phí năm 2022 được chuyển nguồn sang năm 2023 và được UBND huyện bổ sung có mục tiêu ngoài kế hoạch đầu năm cho ngân sách xã để thực hiện xây dựng NTM, công trình xây dựng đầu tư công, bảo đảm xã hội. (Mua gạo hỗ trợ cho Nhân dân trong dịp tết Nguyên đán Quý Mão năm 2023; Hỗ trợ kinh phí điện chiếu sáng cho UBND xã năm 2023; Hỗ trợ cảnh quan môi trường; bồi dưỡng, tập huấn; truyền thông, thông tin tuyên truyền; giám sát, đánh giá; Quy hoạch NTM; mua quà hiện vật thờ cúng Liệt sỹ, thăm hỏi người có công với cách mạng tiêu biểu nhân kỷ niệm 76 năm ngày Thương binh, Liệt sỹ (27/7/1947-27/7/2023); Chương trình Phát triển lâm nghiệp bền vững năm 2023; ứng dụng công nghệ thông tin và xây dựng chính quyền số trong quản lý nhà nước; Hỗ trợ kinh phí cho các hộ chăn nuôi có gia súc bị tiêu hủy do phản ứng vắc xin sau tiêm phòng đợt 1 năm 2023; mở rộng hệ thống điện chiếu sáng công cộng trên địa bàn xã Quế An, tuyến đường ĐH 28.QS (đoạn từ ĐT 611B đi Quế Phong); Sửa chữa trụ sở UBND xã; Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2023; mai táng phí đối tượng Huru 79; hỗ trợ lãi suất vay vốn cho hộ gia đình thoát nghèo bền vững theo Nghị quyết số 13/2017/NQ-HĐND...)

Trong năm UBND xã bố trí nguồn kinh phí sự nghiệp chi đối ứng nguồn ngân sách xã cho các công trình là 296.053.710 đồng, gồm:

+ Trả nợ công trình NTM năm 2022 về trước từ nguồn đối ứng ngân sách xã 110.310.000 đồng (Cải tạo, nâng cấp NVH xã Quế An (NTM quyết toán phê duyệt năm 2022): 43.195.000 đ; NVH thôn Châu Sơn (QT năm 2021): 3.043.000 đ; NVH thôn Tây Trà (QT năm 2021): 2.914.000 đ; Xây mới bếp ăn công nông (QT năm 2023): 32.825.000 đ; công trình Kênh n3,2 đi ruộng thông (QT: 2022): 6.140.000 đ; công trình Kênh Đồng Thiết, Kênh Đồng Kiệt, Kênh bê tông đi vườn Sinh(QT: 2022): 22.193.000 đ)

+ Chi đối ứng ngân sách xã: 185.743.710 đồng. (nguồn kinh phí bảo vệ, phát triển đất trồng lúa theo Nghị định số 35/2015/NĐ-CP: 117.693.000 đ và NS xã: 68.050.710 đ) cho công trình NTM năm 2023.

Trong năm trả nợ công trình Tu bổ, tôn tạo Đình Làng Châu Sơn (phê duyệt quyết toán năm 2018): 114.150.000 đồng, (nguồn dân đóng góp là 36.150.000 đ, tiết kiệm chi thường xuyên: 78.000.000 đ).

Trong quá trình quản lý, điều hành ngân sách, UBND xã đã bám vào dự toán phân bổ đầu năm và theo quy chế chi tiêu nội bộ của cơ quan, đảm bảo chi đúng chế độ, tiêu chuẩn, định mức, đúng mục đích, đúng đối tượng và tiết kiệm. Ưu tiên chi trả tiền lương, các khoản phụ cấp cho cán bộ xã, thôn, chi lương cho đối tượng hưu xã, chi trợ cấp cho đối tượng thuộc hộ nghèo, chi cho công tác quốc phòng - an ninh được UBND xã đặt lên hàng đầu, không để xảy ra tình trạng nợ lương và các khoản phụ cấp.

Phần 2. CÁC HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH KHÁC.

Các hoạt động thu chi tài chính khác của UBND xã gồm:

ĐVT: đồng

STT	Tên Quỹ	Tổng số dư đầu năm	Tổng thu trong năm	Tổng sử dụng trong năm	Tồn cuối kỳ
A	B	1	2	3	4=1+2-3
1	Quỹ Đền ơn đáp nghĩa	8.963.450	13.560.000	12.250.500	10.272.950
2	Quỹ Phòng chống lụt bão	9.069.950	11.567.000	9.254.650	11.382.300
3	Quỹ Bảo trợ trẻ em	12.072.100	9.950.000	4.883.000	17.139.100
4	Quỹ Hỗ trợ tình thương	32.753.515	3.000.000	6.800.000	28.953.515
5	Chi hộ Điện chiếu sáng công cộng	43.415.861	40.372.000	17.066.600	66.721.261
6	Chi hộ phí vệ sinh môi trường	11.641.075	184.442.000	163.801.751	32.281.324
7	Thu chi hộ khác (đối ứng GTNT, lãi tiền gửi, trả phí thanh toán khi rút tiền gửi...)	773.372	120.722.534	120.191.484	1.304.422
8	Chi hộ Ủy nhiệm thu thuế phi nông nghiệp	0	2.758.000	1.174.000	1.584.000
9	Chi hộ giám sát công trình sửa chữa tuyến đường	0	5.756.000	0	5.756.000
10	Chi hộ đối ứng (dân đối ứng mua lúa giống, bò...)	110.037.750	527.446.000	523.912.500	113.571.250

UBND xã thực hiện công tác quản lý thu, chi tài chính và quyết toán theo đúng quy định.

Trên đây là báo cáo công khai quyết toán thu - chi ngân sách và công tác quản lý ngân sách xã năm 2023, UBND xã Quế An báo cáo Đảng ủy, HĐND, Mặt trận và các tổ chức CT-XH, Ban ngành, Ban nhân dân 04 thôn được biết, theo dõi./-

Nơi nhận:

- Các đại biểu HĐND xã,
- Ban KT-XH xã,
- Các ban, ngành xã,
- Mặt trận và các tổ chức CT-XH,
- Đăng trang thông tin điện tử xã,
- Lưu VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**